TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ông Nguyễn Xuân Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phú Thanh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2024/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 09/01/2025.

- *Bị đơn:* Chị **Đỗ Thị Tuyết N**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Tuyết N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2015. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, đã ly thân từ năm 2022, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 2 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11/11/2015 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/12/2020. Cháu Yến hiện do chị N nuôi dưỡng, cháu P hiện do anh nuôi dưỡng, nay anh đồng ý giao cháu Y cho chị N tiếp

tục nuôi dưỡng, yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Phúc, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Tuyết N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Đỗ Thị Tuyết N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11/11/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/12/2020 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; án phí dân sự sơ thẩm anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Tuyết N, chị N cư trú tại ấp CM, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị Tuyết N đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị N theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B và chị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2015 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, đã ly thân từ năm 2022, nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh B yêu cầu ly hôn với chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị N tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên toà nhưng chị N vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện chị N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh B và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị N.

[4] Về con chung: Anh B xác định anh và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11/11/2015 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/12/2020. Cháu Y hiện do chị N nuôi dưỡng, cháu P hiện do anh B nuôi dưỡng, nay anh B đồng ý giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu tiếp tục nuôi cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi anh B và chị N sống ly thân thì cháu Y do chị N nuôi dưỡng, cháu P do anh B nuôi dưỡng nên hiện nay cần giữ nguyên để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển bình thường của các cháu. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp. Anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Đỗ Thị Tuyết N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11/11/2015 cho chị Đỗ Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/12/2020 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu chị Đỗ Thị Tuyết N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B, chị Đỗ Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Nguyễn Văn B phải chịu, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010831 ngày 05/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Định Thành;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni